

Việt Nam trong mối quan hệ trung tâm - ngoại vi nhìn từ lý thuyết không gian văn hóa - xã hội

Nguyễn Văn Dân^(*)

Tóm tắt: Trong thế giới toàn cầu hóa ngày nay, không gian văn hóa - xã hội còn có thêm một đặc tính rất quan trọng khác, đó là quan hệ liên không gian. Các quốc gia có thể tạo dựng không gian văn hóa - xã hội vượt ra ngoài không gian môi trường sinh thái của mình. Một số nhà khoa học đã nói đến hiện tượng “thoát Trung” hay “giải Hoa hóa” của Nhật Bản và Hàn Quốc. Có người nói đến hiện tượng này như là một sự “thoát khỏi trung tâm” để phát triển. Nhưng thực ra theo chúng tôi, đây là vấn đề “lựa chọn trung tâm” chứ không phải “từ bỏ trung tâm” hay “thoát khỏi trung tâm”. Nhật Bản và Hàn Quốc đã lựa chọn lại trung tâm, họ chuyển từ trung tâm cũ sang một trung tâm mới tiên tiến hơn là phương Tây, thiết lập một khu vực văn hóa - xã hội liên không gian. Bằng cách đó họ đã phát triển để thoát khỏi vị thế ngoại vi, trở thành một trung tâm mới của khu vực và thậm chí của cả thế giới.

Trong quan hệ của Việt Nam ở khu vực Đông Á, Việt Nam không nên coi Trung Quốc là trung tâm duy nhất đáp ứng mọi yêu cầu phát triển. Thành công phát triển của Nhật Bản và Hàn Quốc cho thấy một quốc gia có thể lựa chọn cho mình nhiều trung tâm để tận dụng những điều kiện tiên tiến cho phát triển. Chúng ta đã có đường lối đa phương hóa các quan hệ quốc tế. Nhưng quan hệ đa phương dàn đều sẽ làm cho sự hợp tác bị dàn trải, không tận dụng được những điểm mạnh của một số trung tâm đầu tàu của thế giới. Trong tinh thần này, chúng ta vẫn có thể tận dụng các nguồn lực tích cực của trung tâm Trung Quốc, nhưng chúng ta cũng nên lựa chọn thêm các trung tâm khác làm quan hệ đối tác. Phải đặt mối quan hệ trung tâm - ngoại vi là quan hệ ưu tiên chứ không đa phương hóa một cách dàn đều các mối quan hệ quốc tế. Mối quan hệ trung tâm - ngoại vi hiện nay là trung tâm - ngoại vi trong không gian văn hóa - xã hội của “thế giới phẳng”, vượt khỏi không gian sinh thái. Nó đòi hỏi chúng ta phải thay đổi cách nhìn truyền thống về một không gian văn hóa - xã hội ba chiều khép kín. Đó là tinh thần của vấn đề lựa chọn trung tâm trong thế giới toàn cầu hóa, nếu chúng ta không muốn bị tụt hậu mãi ở vị thế ngoại vi.

Từ khóa: Trung tâm - ngoại vi, Không gian văn hóa - xã hội, Việt Nam

^(*) PGS.TS., Viện Thông tin KHXH; Email: nguyenvandan1@gmail.com

1. Một số lý thuyết không gian văn hóa - xã hội

Vào đầu thế kỷ XX, nhà khoa học người Pháp Henri Lefebvre đã nỗ lực xây dựng một ngành khoa học mà ông gọi là “khoa học nghiên cứu không gian xã hội”. Dựa vào học thuyết duy vật mác xít, Lefebvre cho rằng trong khi không gian tự nhiên là một “tác phẩm” của thiên nhiên, do thiên nhiên “sáng tạo ra”, thì không gian xã hội là do con người “sản xuất ra”. Theo ông, một vật được sáng tạo là một “tác phẩm” mang tính độc nhất, không lặp lại. Thế giới vật chất là thế giới của những sự vật được thiên nhiên sáng tạo, không lặp lại. Còn thế giới xã hội là thế giới của những sự vật do con người làm ra. Chúng được sản sinh ra bởi các lực lượng sản xuất, bằng các phương tiện sản xuất và thông qua các phương thức sản xuất, vì thế chúng là những “sản phẩm” có thể lặp lại (tức có thể được “sản xuất hàng loạt”). Tương tự, không gian xã hội cũng là những không gian do con người sản sinh ra bởi các lực lượng sản xuất, bằng các phương tiện sản xuất và thông qua các phương thức sản xuất. Vì thế, theo Lefebvre, *không gian xã hội là một sản phẩm xã hội* (Henri Lefebvre, 1991, tr.1).

Những gì Lefebvre quan niệm cho thấy không gian xã hội liên quan chặt chẽ đến sự xuất hiện của tri thức và văn hóa, của tích lũy tư bản. Như thế, không gian xã hội trong quan niệm của ông có cả đặc tính văn hóa, và ta có thể gọi đó là không gian văn hóa - xã hội. Lefebvre cũng cho rằng mỗi xã hội đều sản xuất cho mình một không gian riêng. Trong không gian xã hội tư bản, Lefebvre luôn có ý thức về sự phân biệt giữa không gian đô thị với tư cách là trung tâm, với không gian nông thôn với tư cách là các khu vực ngoại vi. Đô thị là nơi có sự phát triển mạnh của các lực lượng sản xuất dưới sự cai quản của các lực lượng chính trị, đồng thời có

sự tích lũy cao các nguồn lực tri thức, nguồn lực công nghệ và văn hóa nghệ thuật. Trong chủ nghĩa tư bản, hình thức không gian ưu thế là không gian của các trung tâm của cải và quyền lực, nó chi phối những không gian mà nó chế ngự - đó là các không gian ngoại vi. Theo tinh thần của Lefebvre, không gian ngoại vi luôn là những không gian phụ thuộc, bị chế ngự bởi không gian trung tâm.

Có thể nói, đặc trưng quan trọng nhất của không gian xã hội, theo Lefebvre, là nó gắn chặt với phương thức và quan hệ sản xuất, làm cho nó có khả năng tái sản xuất, có tính lặp lại, khác với tính sáng tạo duy nhất của không gian tự nhiên. Tuy nhiên, mặc dù có tính lặp lại nhưng không gian xã hội không phải là giống nhau đối với mọi nơi trên thế giới. Theo ông, mỗi xã hội có một không gian riêng, mỗi khu vực, mỗi địa phương, mỗi đô thị cũng có một không gian riêng biệt. Từ đó, những yếu tố quan trọng làm cho các không gian khác nhau là các mối quan hệ xã hội, là các quan hệ sản xuất, các lực lượng sản xuất... (Henri Lefebvre, 1991, tr.86).

Năm 1977, nhà dân tộc học người Pháp Georges Condominas đã công bố công trình “Không gian xã hội” (được in lại trong cuốn sách *Không gian xã hội vùng Đông Nam Á*, xuất bản năm 1980), trong đó ông định nghĩa “Không gian xã hội là cái *không gian được xác định bởi tập hợp các hệ thống quan hệ đặc trưng cho một nhóm người nào đó*” (Georges Condominas, 1997, tr.16). Condominas cũng xác định một số khía cạnh đặc trưng của không gian xã hội như sau:

1. *Những mối liên hệ với không gian và thời gian.* Không gian và thời gian ở đây là không gian và thời gian sinh thái. Không gian sinh thái cung cấp tài nguyên cho đời sống con người, thời gian sinh thái thúc đẩy đời sống theo nhịp điệu các mùa. Theo Condominas, đây là cơ sở của

không gian xã hội. Chúng gắn kết với nhau trong văn hóa của cộng đồng người trong một không gian chứ không tồn tại độc lập. Đặc biệt, Condominas lưu ý đến quan niệm của nhiều dân tộc về các phương: ngoài 4 phương Đông, Tây, Nam, Bắc, người ta còn nói đến một *phương trung tâm*, tổng hợp các đặc tính của cả 4 phương kia.

2. *Những quan hệ với môi trường.* Đó là quan hệ giữa con người với hệ sinh thái, một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu của không gian xã hội. Trong mối quan hệ này, con người khai thác thiên nhiên để làm nên không gian xã hội.

3. *Những mối quan hệ trao đổi của cải.* Của cải trao đổi của một cộng đồng người trong một vùng cũng là một đặc điểm làm nên đặc trưng cho một không gian xã hội.

4. *Những mối quan hệ giao tiếp: Ngôn ngữ và chữ viết.* Ngôn ngữ và chữ viết là những yếu tố giúp cho việc thiết lập và thúc đẩy các mối quan hệ trong không gian xã hội.

5. *Những mối quan hệ họ hàng và xóm giềng.* Đây là các mối quan hệ thực thi cuộc sống của một cộng đồng người trong một không gian xã hội. Quan hệ họ hàng như thế nào, ví dụ phụ hệ hay mẫu hệ, là cái làm thành một đặc trưng của không gian xã hội (Georges Condominas, 1997, tr.22-54).

Quan niệm của Condominas thiên về văn hóa, cho nên thực chất không gian xã hội theo cách diễn giải của ông chính là không gian văn hóa - xã hội.

Tuy nhiên, cả Lefebvre lẫn Condominas đều quan niệm về không gian văn hóa - xã hội theo cấu trúc ba chiều khép kín chứ chưa nhìn từ góc độ mở rộng của toàn cầu hóa. Với tư cách là một nhà dân tộc học, Condominas chỉ quan niệm không gian văn hóa - xã hội trong phạm vi

một dân tộc, một tộc người. Vì thế cả hai ông không lý giải được những không gian văn hóa - xã hội siêu quốc gia và những không gian văn hóa - xã hội toàn cầu của các mối quan hệ hợp tác liên quốc gia, mà đây lại là một đặc điểm quan trọng của mối quan hệ trung tâm - ngoại vi trong thời đại “thế giới phẳng”.

Trong thế giới toàn cầu hóa ngày nay, đặc tính thứ 3 của không gian văn hóa - xã hội trong lý thuyết của Condominas có vai trò quan trọng, đó là quan hệ trao đổi của cải. Ngoài ra, chúng tôi thấy không gian văn hóa - xã hội thời đại toàn cầu hóa còn có thêm một đặc tính rất quan trọng khác nữa, đó là *quan hệ liên không gian*. Ví dụ trước đây, Cuba và Việt Nam đã có một không gian văn hóa - xã hội của các nước XHCN, vượt ra ngoài không gian môi trường sinh thái của mình. Nhật Bản, Hàn Quốc cũng có một không gian văn hóa - xã hội trong môi trường quan hệ với phương Tây, vượt ra ngoài không gian môi trường sinh thái của riêng họ. Đó chính là nét đặc thù của không gian văn hóa - xã hội thời đại toàn cầu hóa mà chúng ta cần chú ý khi nghiên cứu vấn đề quan hệ trung tâm - ngoại vi trong không gian văn hóa - xã hội.

2. Việt Nam trong mối quan hệ trung tâm - ngoại vi nhìn từ không gian văn hóa - xã hội

Đứng ở khu vực Đông Nam Á và rộng ra là khu vực Đông Á, Việt Nam đang ở vị trí trung tâm hay ngoại vi? Đó là câu hỏi cần phải được trả lời để chúng ta có thể xác định hướng phát triển cho mình.

Từ ngày Đổi mới, Việt Nam đã thực hiện đường lối mở cửa để hội nhập với thế giới. Chúng ta đã gia nhập nhiều tổ chức quốc tế, từ tổ chức khu vực như ASEAN đến tổ chức thế giới lớn nhất là Liên Hợp Quốc. Trong ASEAN, Việt Nam đã tạo được một vị thế quan trọng, tuy nhiên

chúng ta vẫn chưa phải là trung tâm của khu vực. Trên cấp độ không gian Đông Á, Việt Nam càng không thể có được một vị trí trung tâm.

Theo số liệu của *Tạp chí Thuế nhà nước Online* năm 2015, GDP của ASEAN ước tính năm 2014 theo tỷ giá hối đoái thực tế đạt trên 2.500 tỷ USD; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 4.000 USD (nếu tính theo tỷ giá sức mua tương đương đạt khoảng 7.800 USD), tuy thấp hơn của châu Á và thế giới nhưng lại có tốc độ tăng cao.

Nằm trong khu vực ASEAN, tổng GDP tính bằng USD theo tỷ giá hối đoái năm 1995 của Việt Nam đạt 20,8 tỷ USD, đứng thứ 7, đến năm 2014 đạt 187 tỷ USD, đứng thứ 6 (sau Indonesia, Thailand, Malaysia, Singapore, Philippines). Nếu tính bằng USD theo tỷ giá sức mua tương đương thì thứ bậc của Việt Nam cao hơn. Kết quả tất yếu khi Việt Nam đạt được tốc độ tăng tương đối cao, theo đó, tốc độ tăng GDP (giá so sánh) thời kỳ 1995-2014 của Việt Nam đạt 6,77%/năm, chỉ đứng thứ 2 sau Myanmar. Tuy nhiên, trong thời kỳ 2009-2014 Việt Nam chỉ đạt 5,79%, đứng thứ 4 sau Myanmar, Lào và Indonesia.

GDP bình quân đầu người tính bằng USD theo tỷ giá hối đoái của Việt Nam năm 1995 đạt 289 USD, đứng thứ 10 khu vực, đến năm 2014 đạt khoảng 2.061 USD, vượt lên đứng thứ 7 (sau Singapore, Brunei, Malaysia, Thailand, Indonesia, Philippines). Theo đó, về tỷ lệ, Việt Nam so với các nước ASEAN năm 2014 đều cao hơn năm 1995, nhưng mức chênh lệch tuyệt đối năm 2014 lớn hơn so với năm 1995. Nói cách khác, nếu chỉ nhìn tốc độ tăng GDP thì khó thấy khả năng tụt hậu, nhưng về mức chênh lệch tuyệt đối thì Việt Nam vẫn nằm trong xu hướng tụt hậu xa hơn.

Về chỉ số phát triển con người (HDI), Việt Nam tuy có cải thiện, nhưng vẫn thuộc loại thấp trong khu vực (đứng thứ 7 sau Singapore, Brunei, Malaysia, Thailand, Philippines, Indonesia), chủ yếu do chỉ số về thu nhập còn thấp (<http://tapchitaichinh.vn...>).

Theo bảng xếp hạng của World Bank năm 2015, với GDP tương đương 322 tỷ USD, kinh tế Việt Nam đứng thứ 6 trong số các nước ASEAN, sau Indonesia, Thailand, Malaysia, Philippines và Singapore. Ở châu Á, Trung Quốc đứng thứ nhất (12.674 USD), sau đến Ấn Độ (4.793 USD) và Nhật Bản (4.490 USD). Thế giới: Mỹ đứng đầu (15.684 tỷ USD), sau đến Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản (<http://hoithao.vn/sac-mau-cuoc-song...>).

Trong lĩnh vực văn hóa, Việt Nam đã đạt được vị thế đáng chú ý. Trên phạm vi khu vực Đông Dương, trong cuộc họp các Chủ tịch Hội Nhà văn diễn ra vào tháng 10/2006 tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Nhà văn Việt Nam đã có sáng kiến tổ chức Hội nghị văn học ba nước Đông Dương (Việt Nam, Lào, Campuchia) tại Hà Nội vào năm sau và thành lập một giải thưởng văn học mang tên sông Mê Kông cho ba nước. Từ ngày 6-10/9/2007, Hội nghị văn học ba nước Đông Dương lần thứ nhất đã trao Giải thưởng Văn học sông Mê Kông lần I cho các nhà văn ba nước Đông Dương. Sau đó Giải thưởng được trao 2 năm một lần luân phiên tại ba nước. Từ lần thứ V (năm 2014), Hội nghị đã mở rộng kết nạp thêm Myanmar, Thailand, Trung Quốc và quyết định trao giải hằng năm. Đến năm 2015, Giải thưởng đã được trao lần thứ VI.

Trong lĩnh vực thể thao, Việt Nam cũng đang chiếm được vị trí quan trọng trong khu vực ASEAN. Chúng ta đã có được thứ hạng cao trong nhiều hạng mục. Có thể nói, Việt Nam đang có uy tín về văn hóa trong khu vực và phấn đấu trở thành trung tâm của khu vực về các mặt.

Tuy nhiên nhìn chung, vị trí trung tâm trong khu vực ASEAN của chúng ta vẫn còn xa. Còn trong khu vực Đông Á, chúng ta vẫn ở vị thế ngoại vi.

Trong truyền thống, Việt Nam đã từng là một nước ngoại vi cùng với Nhật Bản và bán đảo Triều Tiên trong quan hệ với Trung Quốc. Ngày nay, Nhật Bản và Hàn Quốc (một nửa bán đảo Triều Tiên) đã thoát khỏi vị thế ngoại vi để trở thành những trung tâm bên cạnh Trung Quốc. Theo GS. Ngô Đức Thịnh, vùng ngoại vi của không gian văn minh Trung Hoa ít nhất có hai vòng: Vòng thứ nhất là vòng kề cận với trung tâm Hoa Hạ, gồm Bách Việt ở phía Nam, Bắc Địch ở phía Bắc và Khương Nhung ở phía Tây; vòng ngoài là các quốc gia chịu ảnh hưởng của văn minh Hán tộc gồm Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam. Theo ông, đã có “nhiều công trình nghiên cứu các mối quan hệ tác động hai chiều, từ ngoại vi thu hút vào trung tâm và từ trung tâm lan tỏa ra ngoại vi của nền văn minh Đông Á này” (Ngô Đức Thịnh, 2014, tr.16).

Xét từ mối quan hệ trung tâm - ngoại vi, một quốc gia ngoại vi trong phát triển luôn chịu sự ảnh hưởng của một trung tâm nào đó, dựa vào một trung tâm để phát triển. Đó là quy luật phát triển. Việt Nam, Nhật Bản và Triều Tiên đã từng chịu ảnh hưởng của văn minh Trung Quốc trong một thời gian dài. Tuy nhiên, như chúng tôi đã nói, một trung tâm không có nghĩa sẽ là một trung tâm vĩnh viễn. Đến một lúc nào đó, một trung tâm không còn đại diện cho những lực lượng tiến bộ của thời đại, thì nó sẽ bị các trung tâm khác thay thế. Các nước ngoại vi nếu muốn phát triển thì cần phải thay đổi mối quan hệ với trung tâm. Tiếp xúc với một trung tâm kinh tế - văn hóa tiên tiến của thời đại sẽ là điều kiện để giúp các nước ngoại vi phát triển. Trong thời hiện đại, Trung Quốc không còn là một trung tâm duy

nhất có tầm ảnh hưởng thúc đẩy phát triển đối với các nước Đông Á. Đã xuất hiện các trung tâm kinh tế - văn hóa khác từ phương Tây. Có thể coi đây là sự thay thế trung tâm trong mối quan hệ quốc tế.

Người ta thường nói Nhật Bản và Hàn Quốc là hai ví dụ điển hình của trường hợp “thoát Trung” để phát triển. Ngay từ giữa thế kỷ XIX, Nhật Bản đã nhận thức được rất sớm tình hình phát triển của thế giới. Họ ý thức được rằng trung tâm phát triển của thế giới đã nổi lên ở phương Tây. Hoàng đế Minh Trị đã phải đấu tranh quyết liệt với phe bảo thủ để mở cửa sang phương Tây và phát động một cuộc trung hưng từ năm 1868. Để phát triển, Nhật Bản thời Minh Trị đã tìm đến trung tâm văn hóa, khoa học và công nghệ của phương Tây. Và sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, khi lâm vào cảnh bại trận và đất nước bị tàn phá nặng nề, Nhật Bản lại càng ý thức được việc phải nhanh chóng du nhập công nghệ phương Tây để phát triển kinh tế. Hàng năm, Nhật Bản đã phải thắt lưng buộc bụng để chi phí cho học sinh, sinh viên đi du học phương Tây. Hơn nữa, Nhật Bản không chỉ du nhập khoa học - công nghệ phương Tây, mà còn du nhập cả văn hóa - văn nghệ phương Tây để làm giàu thêm cho văn hóa - văn nghệ của mình, và, theo chúng tôi, còn là để *cải tạo* nếp sống văn hóa Nhật Bản cho phù hợp với đời sống công nghệ mới. Những tác giả văn hóa - văn nghệ phương Tây mà cho đến thời kỳ đổi mới chúng ta mới giới thiệu vào Việt Nam thì đều đã được giới thiệu ở Nhật Bản ngay sau những năm chiến tranh. Văn hóa - văn nghệ hiện đại Nhật Bản có những khía cạnh rất mới mẻ và rất khác so với văn hóa truyền thống. Cũng như vậy, Hàn Quốc từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai cũng đã tìm đến trung tâm kinh tế - văn hóa phương Tây để tìm kiếm nguồn lực cho sự phát triển.

Thậm chí Nhật Bản, Hàn Quốc và cả những nước công nghiệp mới (NIC) ở Đông Á nói chung đã phải thay đổi phần nào những tư tưởng văn hóa cổ xưa của mình và tiếp thu những tư tưởng văn hóa hiện đại của phương Tây để biến chúng thành một trong những nguồn lực cho công cuộc phát triển của đất nước họ. Một số nhà nghiên cứu trên thế giới đã nhận xét rằng, trong thời kỳ phát triển tư bản chủ nghĩa của một số nước Đông Á, tư tưởng “đức trị” và thái độ phủ nhận động cơ lợi nhuận cá nhân của Nho giáo đã phải nhường chỗ cho ý thức cá nhân và cho mô hình chế độ nhà nước hiện đại của phương Tây. Theo một số nhà quan sát phương Tây thì các cấp độ quản lý theo Nho giáo trước đây, từ “tu thân, tề gia, trị quốc” cho đến “bình thiên hạ”, đều tuân theo tư tưởng vì cộng đồng chứ không phải vì cái “tôi” cá nhân. Trong tư tưởng Nho giáo không có chỗ đứng cho cái riêng. Tất cả đều vì cái chung, vì cộng đồng. Ngay cả cuộc sống cá nhân (tu thân) và cuộc sống gia đình (tề gia) cũng phải vì cộng đồng. Nhưng đến giai đoạn phát triển hiện đại của chủ nghĩa tư bản Á Đông thì tư tưởng cộng đồng đã bị giải thể để nhường chỗ cho ý thức cá nhân, cho tư tưởng vì lợi nhuận (Xem: Hahm Chaibong, 1997, tr.76-91). Theo họ, chính cái ý thức đó cộng với bộ máy nhà nước hiện đại đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự tăng trưởng kinh tế của những nước công nghiệp mới ở Đông Á.

Chính vì thế, một số nhà khoa học của nước ta đã nói đến hiện tượng “thoát Trung” hay “giải Hoa hóa” của Nhật Bản và Hàn Quốc (Ngô Đức Thịnh, 2014). Có người nói đến hiện tượng này như là một sự “thoát khỏi trung tâm” để phát triển. Họ cho rằng phải thoát khỏi trung tâm mới thoát được vị thế ngoại vi. Nhưng thực ra theo chúng tôi, đây là vấn đề “*lựa chọn trung tâm*” chứ không phải “từ bỏ

trung tâm” hay “thoát khỏi trung tâm”. Nhật Bản và Hàn Quốc đã lựa chọn lại trung tâm, họ chuyển từ trung tâm cũ, không còn phù hợp là Trung Quốc, sang một trung tâm mới tiên tiến hơn là phương Tây. Bằng cách đó họ đã phát triển để thoát khỏi vị thế ngoại vi, trở thành một trung tâm mới của khu vực và thậm chí của cả thế giới. Như vậy, họ không đơn thuần từ bỏ trung tâm để tự mình phát triển. Một quốc gia khi đã ở vị thế ngoại vi thì phải tìm cách tận dụng nguồn lực của một trung tâm để phát triển, còn nếu từ bỏ trung tâm thì sẽ trở nên cô lập và tụt hậu.

Cuba trước đây là một ví dụ. Theo lý thuyết không gian văn hóa - xã hội, khi Liên Xô còn là một trung tâm thu hút các nước ngoại vi của trung tâm Xô viết trong không gian XHCN vượt khỏi không gian môi trường sinh thái của mình. Khi Liên Xô sụp đổ, các nước Đông Âu đã lựa chọn lại trung tâm là phương Tây, trong khi Cuba vẫn lúng túng đứng một mình, rơi vào nguy cơ cô lập và khủng hoảng. Cho đến gần đây, khi bình thường hóa quan hệ với Mỹ, Cuba đã có dấu hiệu lựa chọn lại trung tâm. Sự lựa chọn trung tâm chính là phương châm mấu chốt của phát triển.

Trong quan hệ của Việt Nam ở khu vực Đông Á, Việt Nam không nên coi Trung Quốc là trung tâm duy nhất đáp ứng mọi yêu cầu phát triển. Thành công phát triển của Nhật Bản và Hàn Quốc cho thấy một quốc gia có thể lựa chọn cho mình nhiều trung tâm để tận dụng những điều kiện tiên tiến cho phát triển. Chúng ta đã có đường lối đa phương hóa các quan hệ quốc tế. Nhưng quan hệ đa phương dàn đều sẽ làm cho sự hợp tác bị dàn trải, không tận dụng được những điểm mạnh của một số trung tâm đầu tàu của thế giới. Trong tinh thần này, việc kêu gọi “thoát Trung” chưa hẳn đã là một giải pháp hữu hiệu. Theo chúng tôi,

chúng ta vẫn có thể tận dụng các nguồn lực tích cực của trung tâm Trung Quốc, nhưng chúng ta không để bị phụ thuộc vào Trung Quốc về mọi mặt. Trong khi đó chúng ta cũng nên lựa chọn thêm các trung tâm khác làm quan hệ đối tác. Các trung tâm mới đó có thể là Nhật Bản, Hàn Quốc ở châu Á cùng các trung tâm văn minh tiên tiến ở phương Tây. Phải đặt mối quan hệ trung tâm - ngoại vi là quan hệ ưu tiên chứ không đa phương hóa một cách dàn đều các mối quan hệ quốc tế. Mối quan hệ trung tâm - ngoại vi hiện nay là trung tâm - ngoại vi trong không gian văn hóa - xã hội của “thế giới phẳng”, vượt khỏi không gian sinh thái. Nó đòi hỏi chúng ta phải thay đổi cách nhìn truyền thống về một không gian văn hóa - xã hội ba chiều khép kín. Những quan niệm văn hóa truyền thống như “Bán anh em xa mua láng giềng gần” hay “Nước xa không cứu được lửa gần” hoàn toàn không còn phù hợp với không gian “thế giới phẳng” ngày nay. Đó là tinh thần của vấn đề lựa chọn trung tâm trong thế giới toàn cầu hóa, nếu chúng ta không muốn bị tụt hậu mãi ở vị thế ngoại vi.

Theo đường lối phát triển như vậy, Việt Nam đang tiếp tục thực hiện một sự “lựa chọn trung tâm”. Mới đây nhất, ngày 2/2/2016, Việt Nam đã cùng 11 nước ký kết Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) tại Auckland (New Zealand). Đây là một sự kết nối liên không gian, vượt ra ngoài không gian sinh thái của một khu vực kín. Cho đến nay, Hiệp định này có 12 nước tham gia là: Mỹ, Australia, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore và Việt Nam, không có Nga và Trung Quốc. TPP có tới

một nửa là các nước phát triển và bao gồm một *liên không gian* rộng lớn, trong đó Việt Nam là một trong ba nước Đông Nam Á tham gia khu vực liên không gian này. Điều này cho thấy Việt Nam đang quyết tâm trong công cuộc tìm kiếm trung tâm để tiếp thu nguồn lực cho phát triển. Đây là một bước đi đúng đắn để thoát khỏi vị thế ngoại vi □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Georges Condominas (1997), “Dẫn luận: Không gian xã hội”. Trong: G. Condominas, *Không gian xã hội vùng Đông Nam Á* (Ngọc Hà, Thanh Hằng dịch, Hồ Hải Thụy hiệu đính), Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
2. Hahm Chaibong (1997), “Confucian Tradition and Economic Reform in Korea” [“Truyền thống Nho giáo và cải cách kinh tế ở Hàn Quốc”], Tạp chí *Korea Focus* [“Tiêu điểm Hàn Quốc”], 5-6/1997, Vol.V, No.3 (bản tiếng Anh).
3. Henri Lefebvre (1991), *The Production of Space* (Translated by Donald Nicholson-Smith), Blackwell Publishing, Maiden, MA, USA.
4. Ngô Đức Thịnh (2014), “Lý thuyết ‘trung tâm và ngoại vi’ trong nghiên cứu không gian văn hóa”, Tạp chí *Thông tin Khoa học xã hội*, số 3.
5. <http://tapchitaichinh.vn/kinh-te-vi-mo/canh-tranh-quoc-gia/vi-tri-cua-viet-nam-trong-cong-dong-kinh-te-asean-58844.html>, ngày 03/3/2015.
6. <http://hoithao.vn/sac-mau-cuoc-song/kinh-te-viet-nam-lon-thu-6-dong-nam-a-42-the-gioi-208.html>, ngày 31/1/2016.